

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 3 - 2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Phụng và bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Mỹ Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày ngày 05 tháng 02 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 157TB – TA ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y KL, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn K, NB, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh A G, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn K, xã NB, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/7/2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Y KL trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 11 tháng 5 năm 2012, chị Y KL và anh A G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc anh A G thường xuyên đánh đập, chửi bới và xúc phạm chị Y KL, đến năm 2024 chị Y KL đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Y KL nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Y KL khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên G1, sinh ngày 27/6/2011. Sau khi ly hôn chị Y KL có nguyện vọng giao con chung cho anh A G trực tiếp chăm sóc, nuôi

đưỡng và giáo dục. Chị Y KL có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A G một tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 1/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y KL không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh A G: Toà án đã tổng đạt trực tiếp cho anh A G nhưng anh A G từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Đến nay, anh A G vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y KL, xử cho chị Y KL ly hôn với anh A G. Về con chung: Giao cháu G1 cho anh A G trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Y KL có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A G với số tiền 1 tháng 1.500.000 đồng, Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 1/2025. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết;

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Y KL khởi kiện ly hôn đối với anh A G có nơi cư trú tại thôn Kon Rơ Bang 1, xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh A G đã được tổng đạt hợp lệ nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án, tại phiên toà anh A G vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y KL và anh A G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum theo giấy

chứng nhận kết hôn số 36 ngày 11 tháng 5 năm 2012, là đúng theo quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện về kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Y KL và anh A G là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống không hạnh phúc, anh A G thường xuyên đánh đập chị Y KL, chị Y KL đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y KL và anh A G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Y KL yêu cầu được ly hôn với anh A G, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y KL.

- Về con chung: Chị Y KL và anh A G có 01 con chung là cháu G1, sinh ngày 27/6/2011. Sau khi ly hôn chị Y KL có nguyện vọng giao con chung cho anh A G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Y KL có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A G một tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ly thân cho đến nay cháu G1 vẫn sống cùng anh A G tại thôn K2, xã NB, tỉnh Quảng Ngãi. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G1 vẫn được đảm bảo. Tại bản tự khai cháu G1 khai cháu ở với bố từ năm 2024 cho đến nay. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị Y KL giao con chung là cháu G1, sinh ngày 27/6/2011 cho anh A G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y KL tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu G1 cho anh A G 1 tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu G1 đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 1/2025. Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Y KL phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của nguyên đơn Y KL đề ngày 16/7/2025.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y KL được ly hôn với anh A G.

- Về con chung: Giao con chung là cháu G1, sinh ngày 27/6/2011 cho anh A G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Y KL có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y KL có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu G1 cho anh A G số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu G1 đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 1 năm 2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày anh A G có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Y KL chưa cấp dưỡng số tiền nêu trên thì chị Y KL phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y KL phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y KL đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001582 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị Y KL còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ry Thị Mỹ Hoàng

